

R

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

TỔNG QUAN KHOA HỌC

ĐỀ TÀI CẤP BỘ 2005 - 2006

GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM CHO NÔNG DÂN VÙNG
ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Đơn vị chủ trì: Viện CNXHKKH

Chủ nhiệm đề tài: TS Bùi Thị Ngọc Lan

Thư ký đề tài: TS Nguyễn Trần Thành

HÀ NỘI. 2006

6024

2578/06

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Mở đầu	1
Chương 1	7
Quan niệm về việc làm và những nhân tố tác động đến việc làm của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng	
1.1. Quan niệm về việc làm và những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết việc làm cho nông dân trong tiến trình đổi mới.	7
1.2. Vài nét về đồng bằng sông Hồng và những nhân tố tác động đến việc làm của nông dân trong vùng	18
1.3. Kinh nghiệm một số nước về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.	42
Chương 2	50
Thực trạng và triển vọng giải quyết việc làm cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng	
2.1. Thực trạng việc làm của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng	50
2.2. Triển vọng giải quyết việc làm cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010.	83
Chương 3	95
Phương hướng cơ bản và giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết việc làm cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng đến năm 2010.	
3.1. Phương hướng cơ bản nhằm giải quyết việc làm cho nông dân đồng bằng sông Hồng.	95
3.2. Những giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết việc làm cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng từ nay đến 2010.	108
Kết luận	122
Một số kiến nghị	124
Danh mục tài liệu tham khảo	127
Phụ lục	

DANH SÁCH CỘNG TÁC VIÊN THAM GIA ĐỀ TÀI

1. TS. Bùi Thị Ngọc Lan (Chủ nhiệm đề tài)
2. TS. Nguyễn Trần Thành (Thư ký đề tài)
3. PGS.TS. Nguyễn Quốc Phẩm Viện CNXHKKH
4. GS.TS. Trịnh Quốc Tuấn))
5. GS.TS Hoàng Chí Bảo Học viện CTQG Hồ Chí Minh
6. PGS.TS Nguyễn Đức Bách Viện CNXHKKH
7. PGS.TS Minh Hoài Liên hiệp các Hội KHKT VN
8. TS Nguyễn Hữu Dũng Bộ Lao động-Thương Binh và Xã hội
9. TS. Nguyễn An Ninh Viện CNXHKKH
10. Trần Kim Bình))
11. Nguyễn Công Trí))
12. Nguyễn Thị Hà))
13. Đoàn Trường Thụ))
14. Vi Hương Lan))
15. Trần Xuân Thành Bí thư huyện Thái Thụy, Thái Bình

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài:

Việc làm và giải quyết việc làm cho người lao động đang là một trong những vấn đề bức xúc nhất hiện nay trên thế giới nói chung và trong từng quốc gia, khu vực, nói riêng.

20 năm thực hiện đường lối đổi mới, bên cạnh “những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử, làm thay đổi rõ rệt bộ mặt của đất nước, cải thiện đáng kể đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân ta”, Đảng ta cũng đã chỉ ra những khuyết điểm, yếu kém trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, mà nổi lên là cơ chế, chính sách về văn hoá - xã hội chậm đổi mới; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chưa được giải quyết”. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ rõ: “Thành tựu xoá đói, giảm nghèo chưa thật vững chắc, nguy cơ tái nghèo còn lớn. Chênh lệch về thu nhập, mức sống giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các vùng có xu hướng tăng. Nhu cầu bức xúc ở các thành thị và nông thôn về việc làm chưa được đáp ứng tốt. Nhiều vấn đề xã hội quan trọng chưa được giải quyết”⁽¹⁾.

Quá trình phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chủ động hội nhập kinh tế đang đặt ra hàng loạt vấn đề bức xúc liên quan đến việc làm và chính sách giải quyết việc làm. Nhưng hiện nay do nền kinh tế còn kém phát triển, nên các nguồn lực cho tạo việc làm và nâng cao năng suất lao động xã hội nhìn chung còn thấp, do vậy sức ép trong vấn đề giải quyết việc làm còn rất lớn. Hiện nay ở nước ta đang diễn ra một mâu thuẫn lớn, đó là thiếu nghiêm trọng lao động có nghề, trong khi đó lại thừa tiềm tàng lao động giản đơn, nhất là trong khu vực nông nghiệp và nông thôn. Chỉ khi nào có việc làm ổn định, thu nhập tốt, phù hợp với năng lực sở trường thì người lao động mới yên tâm dồn hết tâm trí và sức lực vào quá trình lao động sản xuất. Ngược lại, nếu không có việc làm, hoặc việc làm không ổn định, thu nhập thấp thì không chỉ ảnh hưởng xấu đến đời sống hàng ngày của người lao động mà còn là nguy cơ tiềm ẩn cao dẫn đến những bất ổn về chính trị, xã hội, thậm chí có thể là nguyên nhân dẫn đến sự

⁽¹⁾ Đảng Cộng sản Việt Nam. Dự thảo các văn kiện trình Đại hội X của Đảng. 2005, tr.8.

đổ vỡ của cả chế độ xã hội. Do vậy, giải quyết việc làm đang trở thành một nhu cầu lớn và bức xúc của cả nước cũng như của nhiều địa phương, trong đó có các tỉnh vùng đồng bằng sông Hồng, nhất là giải quyết việc làm cho nông dân, bởi lẽ đây là bộ phận dân cư không chỉ chiếm số đông mà còn giữ vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, chính trị, xã hội của đất nước.

So với nhiều vùng trong cả nước, đồng bằng sông Hồng được xem là một vùng có tiềm năng lớn trong phát triển kinh tế - xã hội; có điều kiện địa - chính trị - xã hội và kết cấu hạ tầng khá thuận lợi. Mặc dù vậy, hiện nay đồng bằng sông Hồng vẫn là vùng có tỉ lệ thất nghiệp của lực lượng lao động trong độ tuổi ở khu vực thành thị cao nhất cả nước (năm 2004 là 6,0%). Tỉ lệ thời gian lao động được sử dụng ở nông thôn năm 2004 đạt 80,4%. Tuy nhiên hiện nay, quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động, phát triển các khu đô thị và khu công nghiệp với tốc độ cao... làm cho một bộ phận lớn nông dân không có việc làm hoặc thiếu việc làm đang có xu hướng ngày càng gia tăng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của họ. Vì vậy, giải quyết việc làm đầy đủ và nâng cao giá trị việc làm đang là một vấn đề lớn đặt ra không chỉ cho các tỉnh của vùng, mà còn là vấn đề quan tâm lớn của toàn xã hội. Việc nghiên cứu nhằm góp phần tìm ra hướng giải quyết việc làm cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng do vậy là một vấn đề có ý nghĩa thiết thực cả về lý luận và thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu:

Trong những năm qua, xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm cho người lao động là một trong những vấn đề lớn, trọng điểm và là hướng ưu tiên trong toàn bộ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của nước ta. Sở dĩ như vậy vì giữa xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm có mối quan hệ gắn bó chặt chẽ với nhau, hỗ trợ cho nhau để nâng cao đời sống cho người lao động. Trong mối quan hệ này, việc làm được xem là một trong những phương tiện, là điều kiện cơ bản để thực hiện xoá đói giảm nghèo, nâng cao chất lượng sống. Quá trình xoá đói giảm nghèo đồng thời là quá trình tạo việc làm cho người lao động để họ có thể thoát khỏi đói nghèo, vươn lên làm giàu. Chính vì vậy, những năm qua, ở tầm

vĩ mô đã có những chương trình quốc gia về xoá đói giảm nghèo và chiến lược việc làm, như:

- *“Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xoá đói giảm nghèo”* (do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại văn bản số 2685/VPCP-QHQT, ngày 21 tháng 5 năm 2002).

- *“Chương trình mục tiêu quốc gia xoá đói giảm nghèo và việc làm giai đoạn 2001 – 2005”* do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 143/2001/QĐ-Ttg ngày 27/9/2001.

Đồng thời, Chính phủ còn ra nhiều quyết định quan trọng nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và giải quyết việc làm cho nông dân như: *“Nghị quyết số 09/2000/NQ-CP của Chính phủ về một số chủ trương và chính sách chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp”*; *“Quyết định số 132/2000/QĐ-Ttg ngày 24/11/2000 về một số chính sách phát triển ngành nghề nông thôn”*; *“Quyết định số 81/2005/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính phủ về một số chủ trương và chính sách hỗ trợ dạy nghề ngắn hạn cho lao động nông thôn”* v.v...

Đây là những văn kiện quan trọng nhằm cụ thể hoá các mục tiêu, cơ chế, chính sách, giải pháp chung của Chính phủ nhằm thực hiện chiến lược 10 năm (2001-2010) về xoá đói giảm nghèo và bảo đảm việc làm cho người lao động và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân trong cả nước, cũng như đối với nông dân.

Trên cơ sở các chương trình quốc gia này, các Bộ, ban, ngành, địa phương đã cụ thể hoá nó dưới những chương trình, chính sách khác nhau. Chẳng hạn: Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã có đề án nghiên cứu *“Đánh giá việc thực hiện chiến lược việc làm giai đoạn 2001-2005 và xây dựng chiến lược việc làm trong kỳ Đại hội X (2006-2010)”*. Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh; Hội Phụ nữ các cấp... cũng triển khai nhiều hoạt động cụ thể, thiết thực nhằm hiện thực hoá những chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước ta.

Ở những góc độ khác nhau, một số công trình đã đề cập đến vấn đề này, như:

- “*Về chính sách giải quyết việc làm ở Việt Nam*”, NXB. CTQG, H, 1997 do TS. Nguyễn Hữu Dũng và Trần Hữu Trung chủ biên. Các tác giả của công trình này đã làm rõ thực trạng vấn đề việc làm ở nước ta trong những năm 90 của thế kỷ XX, từ đó đề xuất một số phương hướng giải quyết việc làm trong điều kiện nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần ở Việt Nam.

- Với tác phẩm: “*Mối quan hệ giữa dân số và việc làm ở một xã phát triển ngoại thành Hà Nội*”, NXB Thống kê, H. 1998, tác giả Đặng Xuân Thao đã nghiên cứu vấn đề việc làm tại một địa bàn cụ thể – đó là xã Ninh Hiệp, Hà Nội.

- Giải quyết việc làm cho thanh niên cũng là chủ đề nghiên cứu của một số tác giả như: TS. Nguyễn Văn Trung với cuốn: “*Phát triển nguồn nhân lực trẻ ở nông thôn để công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, nông nghiệp nước ta*” – NXB. CTQG, H, 1998; và TS. Nguyễn Hữu Dũng: “*Thị trường lao động và định hướng nghề nghiệp cho thanh niên*” – NXB. Lao động - xã hội, H, 2005.

- Với tác phẩm: “*Việc làm ở nông thôn – Thực trạng và giải pháp*” – NXB Nông nghiệp, H, 2001, tác giả Chu Tiến Quang (chủ biên) đã làm rõ thực trạng lao động, việc làm ở nông thôn nước ta và đề xuất những giải pháp tạo cơ hội cho lao động nông thôn có thể tiếp cận đến việc làm.

“Việc làm” còn là chủ đề nghiên cứu của một số tác giả như: “*Vấn đề việc làm, thực trạng và triển vọng giải quyết*” của TS. Đường Vinh Sường – Tạp chí Cộng sản, số 6 (3-2001); “*Về nhiệm vụ phát triển việc làm giai đoạn 2006-2010*” của TS. Nguyễn Hữu Dũng, Tạp chí Lý luận chính trị, số 4-2004 và “*Giải quyết vấn đề việc làm trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn*” của TS. Nguyễn Hữu Dũng, tạp chí Lý luận chính trị, số 8-2004.

.....

Nhìn chung, các công trình nêu trên phần lớn tập trung nghiên cứu thực trạng việc làm ở Việt Nam thời gian qua, đồng thời chỉ ra những thách thức, rút ra những bài học kinh nghiệm trong lĩnh vực giải quyết việc làm và nêu ra những giải pháp, những khuyến nghị nhằm phát triển việc làm ở nước ta trong điều kiện

cơ chế thị trường. Kết quả nghiên cứu của các công trình này là nguồn tư liệu tham khảo quý giá đối với chúng tôi. Tuy vậy, các công trình nêu trên mới chỉ đề cập đến vấn đề việc làm trên phạm vi cả nước hoặc ở một xã cụ thể, mà chưa đi sâu nghiên cứu vấn đề việc làm ở từng vùng. Cho đến nay, chưa có một công trình chuyên biệt nào nghiên cứu khảo sát một cách cụ thể thực trạng việc làm của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng và định hướng phát triển việc làm cho nông dân của vùng này khi bắt đầu đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, với sức ép dôi dư lao động ngày càng gia tăng. Do đó, chúng tôi cho rằng cần thiết phải có một công trình đi sâu nghiên cứu vấn đề này trên *địa bàn nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng* (chủ yếu nhìn từ góc độ chính trị - xã hội) nhằm hiện thực hoá chủ trương của Đảng vào cuộc sống, đồng thời góp phần nâng cao đời sống cho nông dân trong vùng và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, giữ vững sự ổn định chính trị của khu vực cũng như trên cả nước.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ của đề tài:

3.1. Mục tiêu:

Làm rõ thực trạng việc làm của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng, trên cơ sở đó đề xuất phương hướng và những giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết việc làm cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng.

3.2. Nhiệm vụ:

- Đề tài phân tích làm rõ quan niệm về việc làm và những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết việc làm cho nông dân trong điều kiện hiện nay.

- Nghiên cứu kinh nghiệm một số nước trong quá trình giải quyết việc làm cho lao động nông thôn.

- Khảo sát và phân tích thực trạng việc làm, xu hướng tạo việc làm của nông dân vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay.

- Tìm hiểu những nhân tố tác động đến việc làm và quá trình tạo việc làm, đồng thời dự báo những khả năng giải quyết việc làm cho nông dân của vùng từ nay đến 2010.

- Xây dựng những phương hướng và giải pháp chủ yếu nhằm giải quyết việc làm cho nông dân vùng đồng bằng sông Hồng từ nay đến 2010.

4. Phương pháp nghiên cứu:

Đề tài kết hợp giữa phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng với một số phương pháp cơ bản sau đây: phương pháp khảo sát, điều tra thống kê; phân tích hệ thống và phân tích dự báo.

- *Phương pháp nghiên cứu gồm:* thu thập các tài liệu, số liệu có sẵn, cũng như thông qua kết quả điều tra khảo sát trực tiếp của đề tài về vấn đề việc làm của nông dân trong vùng; trực tiếp nghe báo cáo của một số bộ, ngành, địa phương về vấn đề này. Đồng thời lấy ý kiến của một số hộ nông dân ở những địa bàn mà đề tài trực tiếp khảo sát như Thái Bình, Hà Tây, Hải Dương thông qua một bảng hỏi.

5. Phạm vi nghiên cứu:

- Đề tài nghiên cứu vấn đề việc làm của lực lượng trong độ tuổi lao động ở nông thôn vùng đồng bằng sông Hồng trong thời kỳ đổi mới, tập trung chủ yếu ở giai đoạn đầy nhanh quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp nông thôn.

6. Kết cấu của đề tài:

Đề tài gồm phần mở đầu, 3 chương, 7 tiết, phụ lục và tài liệu tham khảo

Chương 1

QUAN NIỆM VỀ VIỆC LÀM VÀ NHỮNG NHÂN TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN VIỆC LÀM CỦA NÔNG DÂN VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

1.1. Quan niệm về việc làm và những chủ trương của Đảng và Nhà nước ta về giải quyết việc làm cho nông dân trong tiến trình đổi mới

1.1.1. Quan niệm về việc làm

Việc làm bắt nguồn từ *lao động* và gắn liền với *nghề nghiệp*. Nói tới việc làm là nói tới hoạt động và hành vi lao động của từng cá thể người đã trưởng thành về mặt xã hội, đã *đến tuổi lao động* và *có sức lao động*. Trong đời sống xã hội hiện thực, việc làm gắn liền với sự tồn tại và phát triển của mỗi cá nhân và của toàn thể cộng đồng. Kết quả và mục đích trực tiếp của việc làm là tạo ra thu nhập (bằng tiền hay hiện vật), đáp ứng nhu cầu và lợi ích thiết thân, hàng ngày của người lao động và gia đình họ. Được lao động, được làm việc và có việc làm chẳng những là nguyện vọng, nhu cầu mà còn là một trong những quyền cơ bản của con người, của người công dân mà nhà nước và cộng đồng xã hội phải chăm lo giải quyết cho họ theo luật định. Con người được tự do trong lao động là điều cơ bản để giải phóng sức lao động, khơi dậy triệt để tiềm năng con người và là một trong những yếu tố cơ bản phát triển con người.

Ở Việt Nam trong thời kỳ quản lý nền kinh tế theo cơ chế kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp, người lao động được coi là có việc làm khi họ tiến hành những công việc đòi hỏi một chuyên môn nào đó, tạo ra thu nhập nhất định; người có việc làm hoặc phải thuộc biên chế Nhà nước, hoặc làm việc trong các hợp tác xã. Theo cách hiểu này, khái niệm việc làm không tính đến những người lao động (kể cả những người chưa đủ tuổi hoặc đã quá tuổi lao động) đang làm việc ở khu vực kinh tế tư nhân, cá thể, hay những việc làm tại nhà (nội trợ), theo quy định chung của Nhà nước. Do quan niệm máy móc như trên về việc làm và tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội (Nhà nước, tập thể tạo ra việc làm đầy đủ từ A đến Z cho người lao động) mà trong xã hội không thừa nhận có hiện tượng thất nghiệp, thiếu việc làm, lao động dư thừa, việc làm không đầy đủ... Quan niệm này đã hạn chế rất lớn hoạt động lao động sản xuất của con người, thậm chí